TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 17-5-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn N.
2. Ông Lý Quốc Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyếtđưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh X, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Ú, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn A, sinh năm 1950 và bà Võ Thị L, sinh năm 1952; Cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú trình bày:

Vào ngày 29/9/2020, ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú có cho ông Đặng Văn A và vợ ông A là bà Võ Thị L vay số tiền 970.000.000 (chín trăm bảy mươi triệu) đồng. Lãi suất là 1%/tháng. Hẹn 15 ngày ông A và bà L trả 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng. Số tiền còn lại 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng ông A và bà L phải trả dần gốc 6 tháng là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng và lãi là

4.000.000 đồng x 6 tháng= 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng, tổng cộng 6 tháng ông A và bà L phải trả gốc và lãi là 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng. Tuy nhiên, đến nay ông A và bà L chỉ trả được số tiền 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng mà không thực hiện đúng thỏa thuận còn lại.

Nay ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú yêu cầu vợ chồng ông A và bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Trong biên bản hòa giải và các lời khai tại Tòa án, ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L *trình bày:*

Ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L thừa nhận còn nợ ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được. Nay ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L xin trả dần nhiều lần trong ba năm.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày

Ông X và bà Ú yêu cầu ông A và bà L phải liên đới trả 400.000.000 đồng làm ba lần gồm: Lần một trả 200.000.000 đồng trong ba tháng; lần hai trả 100.000.000 đồng trong 06 tháng; lần ba trả 100.000.000 đồng trong 06 tháng.

Ông A và bà L xin trả dần sáu tháng trả 50.000.000 đồng.

Ông X và bà Ú, ông A và bà L xác nhận không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ông X và bà Ú, ông A và bà L đồng ý công khai bản án trên Cổngthông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*. Ông A và bà L cư trú tại thị trấn B, huyện M, tỉnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Do không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, ông X và bà Ú khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là một

“Hợp đồng mượn tiền dân sự" đề ngày 19/9/2020 có chữ ký, chữ viết tên của ông A và bà L. Ông A và bà L thừa nhận chữ ký, chữ viết tên của ông A và bà L. Ông A và bà L thừa nhận nợ 400.000.000 đồng và đồng ý trả nợ. Do đó căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sựnhận yêu cầu khởi kiện của ông X và bà Ú.

[4]. Về thời gian trả, cách thức trả: Các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền cơ quan thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6[. Về án phí:

Ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú không phải chịu án phí, ông X và bà Ú là người cao tuổi không nộp tạm ứng nên không hoàn trả.

Ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L là người cao tuổi không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sựcác Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sựĐiều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú đối với ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L, buộc ông A và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông X và bà Ú số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú không phải chịu án phí, ông X và bà Ú là người cao tuổi không nộp tạm ứng nên không hoàn trả.

Ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L là người cao tuổi không phải chịu án phí.

4. Ông Lê Thanh X và bà Lê Thị Ú và ông Đặng Văn A và bà Võ Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *VKSND huyện M;*
- *CC.THADS huyện M;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1